

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành tại Quyết định số 1592/QĐ-CĐTB-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Hiệu Trường trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông Lâm Trung bộ)*

**Tên nghề: Bảo vệ thực vật**

**Mã nghề: 6620115**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương**

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng**

**Thời gian đào tạo: 2.5 năm**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng là ngành, nghề đào tạo các nội dung về: Đất, phân bón, môi trường sống, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng, nghiên cứu và thực nghiệm sâu về các kiến thức về sâu hại, bệnh hại cây trồng và các biện pháp quản lý phòng trừ sâu bệnh, dịch hại trên cây trồng và các công việc khác, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các nhiệm vụ của nghề bao gồm từ việc bảo vệ cây trồng trên hiện trường đến công tác nghiên cứu, tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

Người làm nghề bảo vệ thực vật có thể làm việc trong các nông hộ, trang trại, hợp tác xã, công ty sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, trong các cơ quan, tổ chức liên quan đến bảo vệ thực vật.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Mô tả, nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về sinh vật gây hại cây trồng;
- Phân loại được các nhóm triệu chứng theo bệnh hại và côn trùng gây hại;
- Trình bày được các phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn hiệu quả và bảo vệ môi trường;

- Trình bày được phương pháp điều tra, dự tính dự báo dịch hại cây trồng;

- Phân tích được các nguyên tắc về quản lý dịch hại tổng hợp và đưa ra các biện pháp phòng trừ có hiệu quả;

- Trình bày được những nội dung cơ bản của các loại văn bản quy định nhà nước liên quan đến bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật;

- Trình bày được các kiến thức liên quan đến phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm và đảm bảo an toàn thí nghiệm;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 1.2.2. Kỹ năng

- Nhận biết chính xác các loại dịch hại và đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả;

- Tổ chức điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng;

- Thực hiện sản xuất và kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật;

- Thực hiện được quy trình phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm;

- Thực hiện được quy trình kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

- Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, kỹ năng lao động nghề nghiệp, có khả năng làm việc theo nhóm;

- Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn cập nhật thông tin.

## 5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Dự tính, dự báo sinh vật hại;
- Phòng trừ sinh vật hại;
- Khuyến nông bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kiểm dịch thực vật;
- Phân tích, giám định dịch hại;
- Kiểm định phân bón và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

## 2. Thời gian của khóa học và thời gian học tối thiểu

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 101 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1980 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 968 giờ; Thực hành, thực tập thí nghiệm: 1349 giờ; Kiểm tra 100 giờ;

## 3. Nội dung chương trình

Mã MH/M Đ	Tên môn học, mô-đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun</b>	<b>80</b>	<b>1980</b>	<b>811</b>	<b>1094</b>	<b>77</b>

	<b>chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>	Các môn học, mô đun cơ sở	<b>14</b>	<b>335</b>	<b>260</b>	<b>62</b>	<b>13</b>
MH 07	Sinh lý thực vật	3	75	60	12	3
MĐ 08	Côn trùng đại cương	3	75	60	12	3
MĐ 09	Bệnh cây đại cương	3	75	60	12	3
MH 10	Bảo vệ môi trường	3	60	46	12	2
MH11	Kỹ năng giao tiếp	2	50	34	14	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>66</b>	<b>1645</b>	<b>551</b>	<b>1032</b>	<b>64</b>
MĐ 12	Đất trồng và phân bón	3	60	25	32	3
MH 13	Pháp luật chuyên ngành	2	30	18	10	2
MĐ14	Thực hiện kiểm tra bằng kính hiển vi	2	45	18	25	2
MĐ 15	Kiểm dịch thực vật	2	45	25	18	2
MĐ 16	Sử dụng và kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	2	45	20	25	2
MĐ 17	Côn trùng chuyên khoa	3	60	25	32	3
MĐ 18	Bệnh cây chuyên khoa	3	60	25	32	3
MĐ 19	Vi nhân giống cây trồng	3	60	25	32	3
MĐ 20	Động vật hại cây trồng và nông sản	2	45	18	25	2
MĐ 21	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	45	18	25	2
MĐ 22	Quản lý một môi trường sinh trưởng có kiểm soát	2	45	18	25	2
MĐ 23	Thử nghiệm vi sinh học	4	90	40	47	3
MĐ 24	Điều tra dự báo dịch hại	3	60	27	30	3
MĐ 25	Chẩn đoán các vấn đề sức khỏe thực vật	4	95	40	52	3
MĐ 26	Quản lý cỏ dại	3	60	27	30	3
MH 27	Thuốc bảo vệ thực vật	4	120	66	50	4
MĐ 28	Phòng trừ dịch hại bằng biện pháp sinh học	3	60	27	30	3
MĐ 29	Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp	3	60	27	30	3
MĐ 30	Quản lý dịch hại trên cây rau	3	60	27	30	3
MĐ 31	Quản lý dịch hại trên cây lương thực	3	60	27	30	3
MĐ 32	Thực tập cuối khóa	10	440	8	422	10

	<b>Tổng cộng</b>	<b>101</b>	<b>2415</b>	<b>968</b>	<b>1349</b>	<b>100</b>
--	------------------	------------	-------------	------------	-------------	------------

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội xây dựng và ban hành.

4.2. Hướng dẫn nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	- Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Sinh viên tới tham quan, học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, thực hành thực nghiệm của một số Trường Đại học (Trường ĐH Nông nghiệp TPHCM, trường ĐH Nông lâm TPHCM, trường CĐN Đà Lạt); Một số cơ sở sản xuất thuốc BVTV; Các trung tâm, trạm BVTV	- Triển khai kể từ năm học thứ 2 cho sinh viên đi thăm quan, học tập và tìm hiểu để mở rộng kiến thức
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Tổ chức 1 lần vào năm học thứ 2
6	Tự tổ chức các cuộc thi liên quan đến chuyên môn	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức thi hết môn học/ mô đun:

Sau khi sinh viên học xong MH/MĐ được thi kết thúc ngay hoặc thi vào cuối học kỳ. Các MH/MĐ được thi cả phần kiến thức cũng như kỹ năng, thời gian cụ thể tùy theo MH/MĐ.

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Tự luận hoặc trắc nghiệm	90 phút
2	Kiến thức – kỹ năng chuyên ngành		
	- Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Tự luận hoặc trắc nghiệm	120 phút
	-Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	180 phút

#### 4.5. Các chú ý khác:

- Trên cơ sở số môn học, mô đun trong chương trình, Phòng ĐT&HTQT xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình được phê duyệt;

- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo chương trình dạy nghề đã được phê duyệt;

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình để xây dựng chương trình dạy sơ cấp(tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ cao hơn.

Hàng năm căn cứ vào nhu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế, xã hội cũng như điều kiện của Nhà trường, Khoa Nông Lâm sẽ rà soát và đề xuất hiệu chỉnh các môn học/mô đun cho phù hợp với điều kiện thực tế.